

Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright

Học kỳ Thu

KINH TẾ HỌC VI MÔ

Bài tập 1

Ngày nộp bài: 8:20 thứ Ba 06/12/2022

Câu 1. Các nguyên lý kinh tế học. (20 điểm)

Các câu dưới đây thuộc nguyên lý nào của kinh tế học? **Giải thích.**

(Anh/chị chỉ chọn một nguyên lý phù hợp nhất cho mỗi câu).

1. Trong các nhóm tự học tại FSPPM, một số học viên hướng dẫn các học viên khác môn họ giỏi (ví dụ như Kinh tế vi mô). Đổi lại, họ được các học viên khác hướng dẫn học môn họ gặp khó khăn (ví dụ như Luật)
2. Nhiều nước trên thế giới có tỷ lệ lạm phát năm 2022 cao.
3. UBND các địa phương chỉ đạo kiểm tra việc phòng cháy, chữa cháy và cách âm ở các quán bar và karaoke rất gắt gao.
4. Trong hai năm rưỡi vừa qua (01/2020 đến 06/2022) gần 40.000 công chức, viên chức nghỉ việc. Trong đó ngành giáo dục và y tế có 28.500 người.
5. Hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa trước đây đã chuyển đổi mô hình kinh tế từ những năm 1990.

Câu 2. Chi phí cơ hội (15 điểm)

1. Giả sử, anh/chị có việc làm hiện tại với mức thu nhập 350 triệu/năm. Anh/chị đang xem xét một lời mời làm việc ở công ty khác, xa nhà hơn và với mức thu nhập 450 triệu/năm. Anh/chị hãy giải thích trong năm yếu tố dưới đây, yếu tố nào thuộc/không thuộc về chi phí cơ hội của việc chấp nhận công việc mới?
 - a. Mất nhiều thời gian hơn để đi lại,
 - b. Văn phòng làm việc ở công ty mới rộng rãi hơn
 - c. Mức thu nhập 350 triệu/năm của công việc cũ
 - d. Tiền xăng và tiền ăn trưa cao hơn
 - e. Được làm việc gần bạn thân.
2. Chi phí cơ hội của anh, chị khi học chương trình thạc sỹ Chính sách công tại FSPPM là gì?

Câu 3. Phân biệt cầu và lượng cầu. (10 điểm)

Giả sử mùa tuyển sinh năm 2023 (khóa học MPP-2025), FSPPM thực hiện một trong hai chính sách sau và được ghi rõ trong thông báo tuyển sinh:

1. Chính sách giảm học phí cho tất cả học viên MPP-2025.
2. Chính sách học bổng áp dụng rộng rãi cho học viên MPP-2025, nhờ sự đóng góp hào phóng của nhiều nhà tài trợ.

Trong mỗi trường hợp trên đây, anh/chị hãy dùng một đồ thị phù hợp để thể hiện và giải thích.

Câu 4. *Cân bằng thị trường, độ co giãn của cung, cầu theo giá. (20 điểm)*

Giả sử hàm số cung và cầu thị trường của sản phẩm X là: $P^S = Q^S + 20$ và $P^D = -2Q^D + 332$. Đơn vị tính của P^S, P^D là ngàn đồng/sản phẩm, của Q^S và Q^D là ngàn sản phẩm/tháng. Anh/chị hãy xác định:

1. Mức giá và sản lượng cân bằng của sản phẩm X.
2. Hệ số co giãn của cầu và của cung theo giá tại mức giá cân bằng.
3. Nếu chính phủ đánh thuế gián thu (thuế giá trị gia tăng hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt) thì người tiêu dùng hay nhà sản xuất sẽ chịu thuế nhiều hơn? Giải thích.

Câu 5. *Tác động của thuế giá trị gia tăng. (35 điểm)*

Giả sử hàm số cung và cầu thị trường của sản phẩm X là: $P^S = Q^S + 20$ và $P^D = -2Q^D + 332$. Đơn vị tính của P^S, P^D là ngàn đồng/sản phẩm, của Q^S và Q^D là ngàn sản phẩm/tháng. Ngành sản phẩm X chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 10%. Anh/chị hãy xác định:

1. Sản lượng cân bằng của sản phẩm X.
2. Mức giá người mua phải trả (P^D_1) và mức giá người bán nhận được sau khi đã nộp thuế (P^S_1).
3. Vẽ đồ thị cung, cầu và chỉ ra điểm cân bằng thị trường trước và sau khi có thuế.
4. Thay đổi trong thặng dư tiêu dùng (ΔCS) và thay đổi trong thặng dư sản xuất (ΔPS)
5. Số tiền thuế chính phủ thu được mỗi tháng (G).
6. Thay đổi trong phúc lợi toàn xã hội (ΔNW)